

Tản mạn về năm Mùi

(phần 15A)

Nguyễn Cung Thông

nguyencungthong@yahoo.com

Năm Mùi lại sắp đến và ta thường hỏi là tại sao tên gọi là Mùi, không là dê, dương hay vị ...? Phần này đưa ra vài cách nhìn hầu giải thích phần nào các lý do dẫn đến hiện tượng trên. Ngôn ngữ con người biến đổi theo thời gian (âm cổ và âm hiện đại) và không gian (phương ngữ, thổ ngữ, ngữ hệ), thành ra phần này sẽ bàn về các dữ kiện minh xác kết quả trên. Đây cũng là mục đích chính của loạt bài "*Nguồn gốc Việt (Nam) của tên 12 con giáp*", phần này tiếp theo bài "*Nguồn gốc Việt Nam của tên 12 con giáp – Mùi/Vị - *mjei – Dê (phần 15)*". Các bài viết sau nhưng cùng một chủ đề sẽ đánh số với mẫu tự A, B, C... Hi vọng loạt bài này gợi ý và tạo thêm động lực cho người đọc tìm hiểu thêm về tiếng Việt và những liên hệ ngôn ngữ thật thú vị. Các chữ viết tắt trong bài này là LM (Linh Mục), BK (Bắc Kinh), TVGT (Thuyết Văn Giải Tự (khoảng 100 SCN), NT (Ngọc Thiên/543), ĐV (Đường Vận/751), NKVT (Ngũ Kinh Văn Tự/776), LKTG (Long Kham Thủ Giám/997), QV (Quảng Vận/1008), Tập Vận (TV/1037/1067), CV (Chính Vận/1375), TVi (Tự Vị/1615), VB (Vận Bỏ/1100/1154), VH (Vận Hội/1297), LT (Loại Thiên/1039/1066), CTT (Chính Tự Thông/1670), Tự Vị Bỏ (TViB/1666), KH (Khang Hi/1716), HNĐTĐ (Hán Ngữ Đại Tự Điển/1986), Thiết Vận (ThV/601), Vận Kinh (VK/1161). Dấu hoa thị * dùng để chỉ âm cổ phục nguyên (reconstructed sound). Không nên lầm số thứ tự chỉ phụ chú và thanh điệu sau vần.

Trong Thập Nhị Chi (12 con giáp), chi thứ 8 là chi Mùi 未, đáng lẽ phải đọc là Vị theo các cách đọc của vận thư (chính thống hay "chuẩn").

1. Các cách đọc chữ Vị 未

Chữ mùi/vị 未 (thanh mẫu minh 明 vận mẫu vi 微 khứ thanh, hợp khẩu tam đẳng) có các cách đọc theo phiên thiết

無沸切, 音味 vô phí thiết, âm vị (TVGT, ĐV, QV, TV, LT, VH, CV, LTCN 六書正擿, TVi, CTT, TĐTAT 重訂直音篇) - TVi ghi phi khứ thanh 肥去聲, CTT ghi vi khứ thanh 微去聲

亡貴切 vong quý thiết (NT, TTTH)

...v.v...

Giọng BK bây giờ là wèi (viết theo hệ thống pinyin hiện đại) so với giọng Quảng Đông mei6 và các giọng Mân Nam 客家话 : [梅县腔] wi5 wui5 [沙头角腔] wui5 [客英字典] vui5 mui5 [陆丰腔] mui6 [东莞腔] mui5 [宝安腔] mui3 [客语拼音字汇] vui4 [海陆丰腔] wui6 [台湾四县腔] wi5 潮州话 : bhi7(bī) bhuê7(būe) - giọng Mân Nam/Đài Loan là bi7, tiếng Nhật là mi bi và tiếng Hàn là mi. Tiếng Saek¹ cổ là mui4 so với tiếng Saek hiện đại là mame4 (như tiếng Thái). Tiếng Lào là moth so với tiếng Dioid là fat1, tiếng Ahom là mut và tiếng Tây Tạng là lug. Một dạng âm cổ phục nguyên của Mùi là *m^wei. Thật ra âm mùi đã hiện diện trong cách đọc chữ 味 - tiếng Việt đã duy trì cách đọc cổ hơn của hai chữ 味 và 未 - đều đọc là mùi. Cụ Thiều Chửu² cũng từng ghi rằng Vị ‘*thường quen đọc là chữ Mùi*’ (quen đọc ở đây hàm ý là theo thói quen từ xưa đến nay, hay là một dạng âm cổ hơn).

2. Các cách đọc chữ 味

Chữ mùi/vị 味 (thanh mẫu minh 明 vận mẫu vi 微 khứ thanh, hợp khẩu tam đẳng) có các cách đọc theo phiên thiết

無沸切, 音未 vô phí thiết, âm vị (TVGT, ĐV, QV, TV, VH, CV, LT, TVi)

莫拜切, 音昧 mạc bá thiết, âm **muội** (TV, LT)

武沸切 vũ phí thiết (NT, TTTH)

莫珮切, 音妹 mạc bội thiết, âm **muội** (KH)

亡曷反, 音沫 vong hạt phản, âm mạt (ThVn 釋文)

莫葛切 mạc cát thiết (LT)

無貴切, 音未 vô quý thiết, âm vị (CTT)

...v.v...

Giọng BK bây giờ là wèi so với giọng Quảng Đông mei6 và các giọng Mân Nam 客家话 : [梅县腔] mi5 [宝安腔] mui3 [客英字典] mui3 mi5 [东莞腔] mui5 [客语拼音字汇] mi4 mui4 [海陆丰腔] mui6 [沙头角腔] mui5 [台湾四县腔] mui5 [陆丰腔] mui6 潮州话 : bhi7 - - giọng Mân Nam/Đài Loan là bi7, tiếng Nhật là mi bi và tiếng Hàn là mi. Ta thấy từ các âm đọc trên, tiếng Việt Mùi là gần với âm giọng Mân Nam nhất. Liên hệ giữa tiếng **Hẹ** (Khách Gia Ngữ/Hakka)/**Mân Việt** và **Lạc Việt** theo dòng thời gian (và suốt chiều dài lịch sử dựng nước) rất đáng chú ý, nhưng không nằm trong chủ

đề bài viết này. Ngoài mùì viết bằng bộ khẩu với chữ Vị, các chữ³ 妹昧沫沫 ... đều đọc là **muội**.

Bài viết trước đây về âm Mùì (xem nguồn trích ở mục 4) đã giải thích biến âm m > v, dựa vào các dạng kí âm từ tiếng Phạn như नमन nam-ana trở thành Nam Mô hay Nam Vô 南無, Mañjuśrī अवलोकितेश्वर trở thành Văn Thù Sư Lợi 文殊師利 ... Cũng như các tương quan vô 無 mưa (VBL), vạn 萬 muôn, man (VBL) ...v.v... Ngoài ra, các cách đọc phiên thiết bên trên cho thấy tương quan giữa nguyên âm trước/nhỏ i và nguyên âm sau/lớn ơ/u. Tóm lại, ta có cơ sở rất vững chắc để kết luận âm Mùì là âm cổ hơn của Vị. Không những thế, phạm trù nghĩa của Mùì tiếng Việt chỉ giới hạn trong các ý chỉ 12 con giáp hay hơi người thấy, nhưng không hàm ý chưa như cách dùng vị lai (chưa đến), vị tương (chưa rõ), vị hôn phu (chồng chưa cưới), vị thành niên (chưa đến tuổi thành nhân) - không thấy ai dùng *mùì lai, *mùì tương, *mùì hôn phu, *mùì thành niên ... Cách dùng trên tương ứng với nghĩa cổ nhất của Mùì (chỉ thời gian/Thập Nhị Chi) và Vị (phó từ, nghĩa là không, chưa).

3. Các dạng biến âm và kí (tị) huý

Thử đặt trường hợp một gia đình có người tên chữ là Mùì và viết là 未, các thế hệ sau nếu có dùng chữ này sẽ đọc là Vị chẳng hạn (âm đọc mới hơn). Mùì và Vị chỉ là hai dạng (biến âm) khác nhau của cùng một gốc hay cùng ngữ căn, từ đó ta có một khả năng giải thích hiện tượng kỵ huý. Đây chỉ là 'quân bằng lại' cách hiểu tại sao lại có sự khác biệt giữa các cách đọc khác nhau. Một trường hợp liên hệ là chữ Mậu 戊, âm BK bây giờ là wù (tương ứng với vụ HV), nhưng các giọng đọc phương Nam TQ và HV đều vẫn còn duy trì âm cổ hơn là Mậu. Đến nỗi vua nhà Lương đã ra lệnh bắt phải đổi Mậu thành Vũ 武 (wũ BK bây giờ) để tránh phạm huý⁴ vào năm Khai Bình nguyên niên (907, theo Ngũ Đại Sử). Khác với GS Nguyễn Tài Cẩn, và dựa vào các phương ngữ Nam TQ (Quảng Đông, Đông Hoàn Khang ...), người viết cho rằng âm Mậu đã hiện diện cùng lúc với âm Vũ (âm mới hơn) chứ không phải chờ đến sắc lệnh của vua nhà Lương! - Xem chi tiết trang <http://www.zdic.net/z/1a/js/620A.htm>. Thành ra vấn đề kỵ huý phần nào chỉ là 'chính thức hoá' cách đọc của quân chúng (và địa phương) từ chính quyền trung ương đương thời mà thôi, phản ánh khuynh hướng 'ý dân là ý trời' (*Vox populi, vox dei* - tục ngữ La Tinh cổ đại). Ngoài ra, âm cổ hơn của Vũ là múa vẫn còn được bảo lưu trong tiếng Việt.

Một trường hợp kỵ huý khác cũng đáng chú ý là danh nhân Ngô Thì Nhậm⁵ (1746-1803): chữ Hán viết là 吳時壬 hay 吳時任. Ngô Thì Nhậm có thể đọc là Ngô Thời Nhậm hay Ngô Thời Nhiệm vì kỵ huý vua Tự Đức (Nguyễn Phúc Thì, Nguyễn Phúc Hồng Nhậm). Từ thời VBL (1651) ta đã có các âm nhiệm và nhậm, thím (thẩm), tìm (tâm), tìm (tầm), kim (châm) ... So với các giọng Quảng Đông đọc Nhậm là jam4, jam6, các giọng Mân Nam jim5 ngim5 rim6 ngim6 ... Thành ra, Nhiệm là một dạng âm cổ hơn so với Nhậm - âm cổ phục nguyên

của Nhậm là *njim - xem thêm chi tiết về các cách đọc của Nhậm trang này chẳng hạn <http://www.zdic.net/z/15/js/4EFB.htm> .

Tóm tắt cho phần này, cách gọi Mùi là một dữ kiện ngôn ngữ quan trọng để tìm lại âm cổ hơn của Vị (cách đọc 'chuẩn/hàn lâm'). Đi xa hơn nữa là khả năng nhái lại âm thanh phát ra từ loài thú này (âm *m^wei > me be) hay tượng thanh để cho ra các dạng Mùi, Vị, bê, dê ... Các dạng này vẫn còn tồn tại trong các ngôn ngữ dân tộc ở Nam TQ, âm Hán Việt và tiếng Việt, khiến ta phải đặt lại vấn đề về nguồn gốc tên gọi 12 con giáp; không phải từ TQ mà ra như nhiều người lầm tưởng qua bao ngàn năm nay và từ Đông sang Tây! Sự tiến hoá từ nghĩa cụ thể (tiếng động vật kêu, tên gọi loài vật) cho đến cách ghi thời gian (năm, tháng, ngày, giờ) và phó từ phủ định (trừu tượng) là một quá trình rất tự nhiên và dễ hiểu. Những công hiến âm thầm này vào văn hoá Hán đã đến lúc cần được đưa ra ánh sáng qua các lăng kính ngôn ngữ, lịch sử và khoa học khách quan. Một hệ luận từ các dữ kiện ngôn ngữ trong bài này là hiện tượng kị húy, có thể hiểu được phần nào từ khuynh hướng quân bằng lại sự biến hoá rất bình thường của ngôn ngữ loài người (âm cổ và âm mới hơn).

4. Phụ chú và phê bình thêm

Để cho liên tục, bạn đọc có thể tham khảo loạt bài "*Nguồn gốc Việt (Nam) của tên 12 con giáp*" trên các trang mạng như <http://newvietart.com/Mui-Vi-1.pdf> hay <http://www.vanchuongviet.org/index.php?comp=tacgia&action=detail&id=2198> ...v.v...

Phần này không hoàn toàn theo cách ghi tài liệu (Bibliography) tham khảo APA hay MLA vì bao gồm các phê bình thêm về đề tài, tài liệu và tác giả để bạn đọc có thể tra cứu thêm chi tiết và chính xác.

1) Tiếng Saek (ngôn ngữ của dân tộc Saek) còn lưu lại trong vài làng ở Đông Bắc Thái Lan. Tiếng Saek thuộc vào họ Tai-Kadai (mà tiếng Thái được nhiều người biết đến nhiều nhất). Bây giờ thì dân tộc Saek hầu như đồng hoá hoàn toàn vào xã hội Thái. Xem thêm bảng từ vựng tiếng Saek của William J. Gedney: "*The Saek Language: Glossary, Texts and Translations*" Michigan Papers on South and Southeast Asia no. 41 ...v.v...

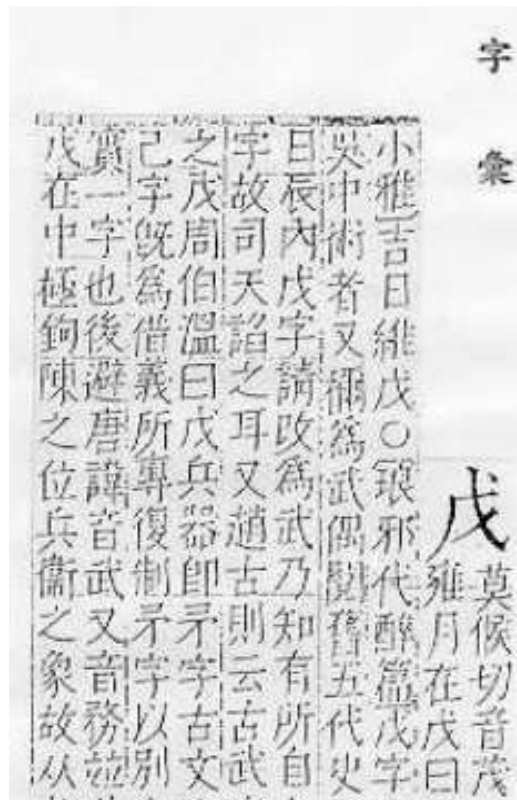
2) Thiều Chửu 1942 "Hán Việt Tự Điển" tái bản nhiều lần - như từ NXB Đà Nẵng (2005). Tự điển Việt-Hoa-Pháp/Dictionnaire vietnamien-chinois-francais của LM Gustave Hue (1937) cũng ghi Mùi là '*... prononciation annamite du caractère Vị ...*'.

3) Có khoảng 15 chữ Hán - thường là chữ hiếm - dùng chữ Mùi làm thành phần hài thanh. Có 8 chữ đọc là muội, 3 chữ vừa đọc là muội vừa đọc là vị, các chữ còn lại đọc là Vị.

4) Nguyễn Tài Căn 1985 "Một số vấn đề về chữ Nôm" NXB Đại Học và Trung Học Chuyên Nghiệp (Hà Nội, 1985 – trang 22/110). Ảnh bên dưới chụp một phần từ Tự Vị (1615) cho

thấy chữ 戊 đọc là 莫侯切, 音茂 mạc hầu thiết âm mậu ... Nhưng sau tị (hủy) nên đọc thành Vũ ...v.v... Thật ra một dạng âm cổ của Vũ là *mũ, tiếng Việt vẫn còn duy trì âm múa; so sánh với các tương quan Mùi Vị, múa vũ, vu mo (đồng cốt), vụ mù (sương), vọng mong, võng mạng ...

Truyền thống bảo thủ phong kiến cộng hưởng với khuynh hướng 'quân bằng lại' ngôn ngữ làm phép kị hủy trở thành một yếu tố văn hoá đáng kể.



5) Một số âm Hán Việt cũng cho thấy tương quan của vần **-am** và **-iêm** như chữ hàm 𦉳 (hộ giam thiết 戶監切/ĐV, 乎監切, 音銜 hò giam thiết, âm hàm/TV) còn có thể đọc là khiêm (苦蕈切, 音歉 khổ khuẩn thiết, âm khiêm/QV/TV/CV) ... Hay chữ sam 𦉳 (sở hàm thiết 所咸切/ĐV, sư hàm thiết 師咸切/TV/VH) còn có thể đọc là tiêm (tu liêm thiết, âm tiêm 思廉切, 音纖/TV/VH/CV) ...

Nguyễn Cung Thông

Email:nguyencungthong@yahoo.com

www.vietnamvanhien.net